

Giê-su qua cái nhìn của người Phật Tử

Tác giả GS André Bateau
Người dịch Lại Như Bằng

Bài thuyết trình của GS André Bateau (Giáo sư Collège de France) tại Trung Tâm Văn Hóa Tin Lành dòng Luther, Paris, ngày 11 Tháng 12 năm 1984.

"Giê-su qua cái nhìn của người Phật tử": đây là một đề tài lý thú, nhưng quả thật là khó. Trước hết, trong tất cả những đạo lớn của thế giới, có lẽ đạo Phật là đạo xa cách đạo Ki-tô nhất trong giáo lý cơ bản và trên nhiều điểm quan trọng, mặc dù vẫn gần gũi, hay có vẻ gần gũi, trên nhiều điểm khác. Thứ đến, với thời gian, trên con đường phát triển, đạo Phật đã mang rất nhiều hình tướng khác nhau, hội nhập vào nhiều nền văn minh khác nhau, vào nhiều dân tộc khác nhau, do đó giữa những người Phật tử có thể có những "cái nhìn về Giê-su" rất khác nhau. Sau hết, nếu chúng ta biết khá rõ về cái nhìn của người Phật tử, nhất là Phật tử thời nay, về đạo Ki-tô, chúng ta rất hiếm khi được nghe nói đến quan niệm của họ về cá nhân Giê-su.

*

Trước khi tìm hiểu người Phật tử thực sự nghĩ sao, tôi thiết nghĩ cần phải dựa trên giáo lý cơ bản của kinh điển nguyên thủy đã được ghi chép lại từ hơn 20 thế kỷ nay để xét xem người Phật tử sẽ phải nghĩ thế nào về người sáng lập đạo Ki-tô.

Có lẽ quý vị đều đã biết, đạo Phật là một đạo có đặc điểm, rất khó hiểu cho người phương tây chúng ta, là không những từ chối không chấp nhận một Thượng Đế độc nhất, thường hằng, quyền phép vô biên, tạo hóa mọi sự vật, chủ tể mọi loài trong vũ trụ, mà còn không chấp nhận một nhân thể thường hằng tương đương với cái mà chúng ta gọi là linh hồn. Chính vì phủ nhận nguyên lý một nhân thể thường hằng mà người Phật tử không thể chấp nhận một Đấng Tạo Hóa như người phương tây chúng ta thường quan niệm.

Cũng nên nói cho rõ hơn: Đạo Phật chưa bao giờ phủ nhận sự hiện hữu của *các* thần linh, trái lại nữa là khác, theo đạo Phật có

hàng hà sa số các vị trời, hàng triệu thần tiên đủ loại, lớn nhỏ, thiên thần cũng như địa thần; có những vị thù thắng vi diệu, thân toàn ánh sáng sống bằng lạc thọ, có những vị thân thể thô thiển hơn nhưng mắt trần không thể thấy, tất cả đều quyền phép oai vũ hơn người trần rất nhiều. Tuy nhiên, mỗi vị trời dù đứng thứ bậc nào trong địa vị thần linh, dù oai linh quyền phép đến đâu đi nữa cũng vẫn bị hạn chế trong thời gian sống và trong quyền phép của mình. Mỗi vị sinh ra, bỗng nhiên hóa hiện ra giữa các vị trời, sống rất lâu, hàng tỷ năm (người Ấn Độ thường vẫn hay phóng đại rất nhiều khi có dịp tự do vận dụng trí tưởng tượng vốn rất phong phú của họ), sống sung sướng an lành, không đau đớn, không phiền não lo âu, không bệnh tật, không chết chóc như các loài hữu tình khác, là loài người hay không phải là loài người. Nhưng đời sống này dĩ nhiên sẽ phải có kết thúc, cũng như mọi sự mọi vật đã có bắt đầu, đã được sinh ra. Một ngày kia, vị trời này sẽ mất đi, bỗng nhiên biến đi, không đau đớn lo âu, và sẽ tái sinh như bất cứ một hữu tình nào khác, vào cõi trời, hoặc cõi người, hoặc cõi súc sinh, hoặc cõi ngạ quỷ, tùy theo nghiệp quá khứ của vị đó. Vốn không thường hằng, vốn được sinh ra và mất đi như các hữu tình khác, vị trời này dĩ nhiên không thể là đấng tạo ra vũ trụ và những loài sinh sống trong đó. Quyền phép dù rộng lớn đến đâu đi nữa nhưng vẫn có giới hạn, vị trời này không thể là chủ tể mọi loài, mọi sự, mọi vật.

Không chấp nhận một Đấng Tạo Hóa, theo quan niệm chúng ta thường có bên phương tây Ki-tô giáo, người Phật tử dĩ nhiên không thể chấp nhận tính thiên khai của Giê-su. Đối với họ, dựa theo lịch sử, Giê-su chỉ là một con người. Tuy nhiên, với tất cả những đức tính hiển nhiên của ngài, chắc chắn sau đó ngài đã sinh vào cõi trời do thọ hưởng quả lành, do sự "chín muồi" của các thiện nghiệp. Tóm lại, qua lối nhìn của đạo Phật, con người Giê-su, sau khi chết, chắc đã trở thành một vị trời, nghĩa là một loại siêu nhân được xác định rõ ràng với những tính chất đặc thù, với quyền phép, với đời sống lâu dài, với những sinh hoạt đặc biệt; sinh hoạt này có thể là sự quán chiếu chân lý (contemplation de la vérité) hay chỉ là quán trí tiếp cận chân lý (méditation d'approche), hay chỉ là hưởng thụ lạc thú của thiên giới qua mọi hình thái khác nhau, có dục

tính hay không dục tính, hoặc kiểm xét sinh hoạt của loài người. Khi vị Giê-su, đã trở thành trời trong điều kiện kể trên, chết đi thì, trong một tương lai xa hay gần, tùy theo địa vị hiện tại của ngài trên cõi trời, ngài sẽ tái sinh lại, cũng như vô số lần khác trong quá khứ. Chắc ngài sẽ sinh lại cõi trời hay cõi người tùy theo đức hạnh và thiện nghiệp của ngài, ngài sẽ không bị thu hút vào những cõi xấu xa như những kẻ tham ác, rơi vào những cõi súc sinh, ngạ quỷ. Nói cách khác, trong đời sống tương lai, Giê-su có thể còn giữ được tính trời của mình, theo ý nghĩa của đạo Phật, hay sinh vào cõi người, và trong trường hợp này sẽ hành động như một vị Cứu tinh (Messie), trong giới hạn mà đạo Phật đã định cho vai trò này. Như vậy, đạo Phật không phủ nhận tính trời của Giê-su, tính trời được hiểu theo một ý nghĩa nào đó, cũng như không phủ nhận tính người của ngài; tuy nhiên hai tính này không thể tồn tại cùng một lúc mà phải kế tiếp nhau.

Nếu con người Giê-su sinh ra cách đây ngót hai mươi thế kỷ đã trở thành một vị trời, người Phật tử có thể dễ dàng chấp nhận chuyện này, thì ngài rất đáng được kính trọng, đáng được tôn sùng như các vị thần linh khác, được mọi người tôn kính thờ phượng do vô số thiện nghiệp của các ngài trong các đời sống trước; chính tính trời của các vị là bằng chứng rõ ràng về những thiện nghiệp của các vị trong các kiếp trước. Hơn nữa, nghi lễ của đạo Ki-tô không đòi hỏi sát sinh, cũng giống như nghi lễ đạo Phật, vì sát sinh để cúng tế là phạm vào một trong những giới cấm cơ bản chung cho cả hai đạo, người Phật tử không thể chê trách gì tín đồ Ki-tô khi những người này tôn thờ Thầy của họ, Chúa của họ. Còn hơn thế nữa, không gì ngăn cản người Phật tử tôn sùng Giê-su cũng như tôn sùng các vị thần linh khác xuất xứ từ Ấn Độ Giáo; trong nhiều chùa ta thường gặp đền thờ các vị thần này.

Thật vậy, ngược với đạo Ki-tô, sinh ra trong những điều kiện hoàn toàn khác, đạo Phật không những chưa bao giờ phủ nhận sự hiện hữu hoặc phủ nhận tính trời của vô số vị trời của Ấn Độ cổ xưa, hay của các xứ mà đạo Phật truyền tới, mà đạo Phật cũng không hạ thấp các vị trời đó xuống hàng những loài quỷ, xấu xa và tàn bạo, hiện thân của mọi điều xấu. Ngược lại, đạo Phật đã thu nhập tất cả những vị này, kể cả những vị vốn rất hung dữ cũng

được mau chóng chuyển hóa. Còn hơn thế nữa, đạo Phật đã nâng các vị thần này lên hàng mẫu mực cho Phật tử cư sĩ, nhưng không thể là mẫu cho hàng tăng sĩ vì đời sống quá sung sướng của cõi trời khiến các vị trời không thể thành tu sĩ khổ hạnh, không thể trì hành các giới luật nghiêm túc và khắc khổ, con đường duy nhất đưa đến giải thoát, Niết-bàn.

Trong cõi trời rất phong phú và phức tạp của đạo Phật, rất hiếm có những vị trời còn giữ tính dữ dằn hoặc thực sự căm thù đối với loài người. Nếu có, thường chỉ là những vị địa tiên thuộc những tầng thấp nhất, những vị tiểu thần của một thôn xóm nào đó, hay là Mâra, thần chết, đối thủ chính và dai dẳng của đức Phật, vì ngài dạy cho muôn loài phương pháp để thoát khỏi sự chết, hay đúng hơn những sự chết kế tiếp nhau, hệ quả của tái sinh. Thật ra, Mâra là một hình ảnh có tính biểu tượng, chỉ được dùng trong đạo Phật, và theo truyền thuyết thì thường thường lồ bịch hơn là đáng sợ, ngay cả lúc vị thần này xua đoàn quân quỷ ghê gớm do nó hóa hiện ra để tấn công đức Phật và đức Phật đã xua tan chúng chỉ bằng một niệm của ngài.

Việc các vị trời, ngoại trừ một vài vị rất hiếm, đều là những hữu thể hiện hoà xứng đáng được tôn kính, là một chuyện rất dễ hiểu theo giáo lý nhà Phật; nếu các ngài trở thành trời, được hưởng hạnh phúc tuyệt vời của cõi trời là vì các ngài thừa hưởng quả báo của vô số thiện nghiệp trong những đời trước. Trở lại đề tài của chúng ta, nếu con người Giê-su đã trở thành một vị trời, và đứng trên quan niệm Phật giáo thì chuyện này rất đáng tin, ngài xứng đáng được mọi người tôn kính thờ phượng, không chỉ những tín đồ đạo Ki-tô, mà kể cả những người Phật tử cũng như những người theo đạo khác.

Con người Giê-su trở thành một vị trời do đó được kính trọng, phải chăng điều này có nghĩa là giáo lý của ngài dạy cách đây hai nghìn năm và được tín đồ truyền tụng đến ngày nay cũng phải được trọng vọng như vậy? Nói cách khác, với người Phật tử, giáo lý của Giê-su, đạo Ki-tô, có đáng được trọng vọng bằng những thiện nghiệp của ngài không? Chắc chắn là đáng trong chừng mực mà giáo lý của ngài phù hợp với lời dạy của Đấng Thế Tôn, nghĩa là có ích lợi cho con người, giúp

con người tiến bộ trên con đường giải thoát hay ít ra giúp tái sinh trong cõi trời hay cõi người chứ không bị rơi vào những cõi xấu xa khác. Trái lại, cũng không đáng, vì giáo lý của Giê-su đưa con người xa rời Con đường dẫn đến Giải thoát, hay đúng hơn khiến con người ngừng lại dọc đường, chỉ dẫn đến tái sinh nơi thiên đàng của một vị trời trong một thời gian có giới hạn, dù giới hạn này có dài lâu đến đâu đi nữa, và làm cho con người lầm tưởng rằng sẽ được ở đó vĩnh viễn. Tóm lại, giáo lý của Giê-su chỉ dành cho cư sĩ, những người muốn có một đời sống tương lai càng sung sướng, càng lâu dài càng tốt, trong khi giáo lý của đức Phật nhắm những tu sĩ, những người, sau khi thấu rõ tính chất vô thường, sự giới hạn trong không gian và thời gian, của vạn vật, kể cả hạnh phúc trong cõi trời, không vừa lòng với hạnh phúc đó, quyết định đạt đến Niết-bàn, chấm dứt mọi tái sinh, dù trong cõi nào đi nữa.

Hệ luân lý Giê-su truyền dạy cho tín đồ ngài hầu như in hệt hệ luân lý đức Phật dạy cho Phật tử. Không những cả đôi bên đều ngăn cấm làm điều ác, lớn hay nhỏ, như giết người, trộm cắp, tà hạnh, hưởng thụ, dối trá, phóng dật, v.v..., mà cả đôi bên cũng đều luôn luôn khuyên bảo tín đồ mình nuôi dưỡng và thể hiện những đức tính như lòng nhân ái, lòng từ bi, tính kiên trì, lòng từ thiện, lòng khoan dung mỗi khi bị xúc phạm, vv... Cả hai đều thấy rõ là sự thể hiện hệ luân lý chung này chỉ là bước đầu, rất cần thiết nhưng không đầy đủ, trên con đường dài đưa đến mục tiêu tối hậu do các vị sáng lập đạo giáo vạch ra cho tín đồ của mình, thiên đàng cho người theo đạo Ki-tô, Niết-bàn cho Phật tử. Tóm lại, cùng truyền dạy một hệ luân lý chung như là bước đầu cơ bản, Giê-su và đức Phật lúc đầu dẫn dắt tín đồ của mình trên cùng một con đường, một con đường dài và khó khăn cho nhiều người nhưng không thể tránh khỏi để chuẩn bị cho chặng đường sau, cho một đời sống đạo hạnh, tu luyện tâm linh để đạt đến quả vị tối hậu đã vạch ra.

Ngoài những điểm tương đồng kể trên, giáo lý của Giê-su và giáo lý của đức Phật khác biệt nhau rất xa. Với đức Phật, giáo lý của Giê-su sai lạc, không đúng với sự thật, không đúng với những Thánh đế mà tu sĩ Gotama đã "giác ngộ", vì nghĩa chính của chữ "Bụt-đà" (Bouddha) là giác ngộ. Như vậy,

giáo lý đạo Ki-tô, với hệ luân lý cao đẹp, dẫn dắt tín đồ mình sinh vào một cõi trời, nhưng lại ngăn chặn không cho tiến xa hơn, tới sự giải thoát khỏi vòng luân hồi, đạt đến Niết-bàn, vì làm cho tín đồ mình hiểu sai lầm rằng hạnh phúc trên cõi trời là mục đích cao cả nhất. Đối với người Phật tử, Giê-su đáng tôn kính vì đã dẫn dắt, bằng hệ luân lý của ngài, con người đến cõi sung sướng, nhưng ngược lại ngài cũng không đáng tôn kính vì đã truyền cho tín đồ một đạo lý sai lạc. Giáo lý này sai lạc vì nó dựa lên lòng tin nơi một vị trời độc nhất, thường hằng và tạo hóa mọi vật, tin vào một linh hồn vĩnh cửu, ẩn trong mỗi con người. Nó sai lạc vì nó không chấp nhận lẽ vô thường, lẽ vô ngã, do đó đưa đến phiền não khổ đau, của mỗi hữu tình. Nó còn sai lạc vì nó khuyên dạy tín đồ phát triển lòng sùng bái vị trời của họ và lòng thương yêu những con người khác, cả hai tính này đều có cơ sở là tham ái, trong khi đức Phật khuyên dạy phải xa lìa tham ái dưới mọi hình thức vì nó là một chướng ngại quan trọng trên con đường giải thoát, ngược lại, ngài khuyên dạy phải phá chấp một cách triệt để, ngay cả trong khi thể hiện đến tột cùng những đạo hạnh cao đẹp nhất, như lòng nhân ái, lòng từ bi, lòng từ thiện, tính khoan dung.

Như vậy, đứng về lý, đối với Phật tử, Giê-su là một con người đáng kính trọng, đáng thờ phượng, là một vị thánh nhân và chắc đã trở thành trời sau khi là một con người, cách đây ngót hai mươi thế kỷ. Tuy vậy ngài vẫn thua xa đức Phật, dù đức Phật vẫn mang thân người trong kiếp sống cuối cùng, trong khi Giê-su có lẽ đã thành trời trong đời sống đó. Thật ra, dưới con mắt những người Phật tử, tôn sư của họ, dù vẫn còn sống trong cõi người, đã tự nâng mình lên cao hơn mọi vị trời, đã "giác ngộ" Chân như, tìm ra con đường đưa đến Niết-bàn, điều mà không một vị trời nào có thể làm nổi chính vì tính trời của họ. Thật vậy, hạnh phúc toàn hảo của các vị trời khiến các ngài không thấu rõ được phiền não khổ đau tiềm ẩn trong mỗi hữu tình, dù có mang hình thái nào đi nữa. Chính sự chứng ngộ khổ đau này, đối với người Phật tử, là bước đầu trên con đường rất dài và rất khó đưa đến giải thoát khỏi vòng luân hồi.

*

Sau khi đã tìm hiểu cái nhìn người Phật tử có thể có về Giê-su, dựa trên giáo lý cơ bản mà người Phật tử học được và tin theo, bây giờ chúng ta xét trong thực tế họ nghĩ sao về Giê-su, dựa trên những lời nói chứng từ của chính họ.

Muốn vậy, tôi trông cậy vào bốn trong những người cộng tác xuất sắc nhất của tôi, mỗi vị, trong mỗi lãnh vực khác nhau, có một sự hiểu biết thấu đáo về tâm tư của người Phật tử thời nay. Thượng tọa Thích Thiện Châu, Tiến sĩ Văn chương, vốn là một vị tôn đức của Phật giáo Việt nam. Ông Mohan Wijayaratna, sinh ra trong một gia đình song giáo, Ki-tô và Phật, sắp trình luận án Tiến sĩ về một số khía cạnh của Phật giáo Tích lan và cũng đã từng viết nhiều bài báo rất đáng chú ý, một trong những bài này nói về đề tài chúng ta bàn đến hôm nay, dưới con mắt người Tích lan. Đức Cha Eugène Denis, Tiến sĩ Văn chương và nghiên cứu viên tại Viện Nghiên Cứu Khoa Học Quốc Gia (CNRS), sống tại Thái Lan từ hơn ba mươi năm nay và đang nghiên cứu đạo Phật xứ này. Ông Paul Magnin, nghiên cứu viên tại Viện Nghiên Cứu Khoa Học Quốc Gia (CNRS), đã từng sống lâu năm tại các xứ Viễn đông, nhất là tại Đài Loan, chuyên nghiên cứu về đạo Phật Trung quốc. Tôi cũng phải nói đến quyển sách quý báu do đồng nghiệp và cũng là bạn thân của tôi, Giáo sư Jacques Gernet, xuất bản cách đây hai năm tại nhà xuất bản Gallimard dưới tựa đề "Trung quốc và đạo Ki-tô, tác động và phản ứng" (*Chine et christianisme, ation et réaction*); tác phẩm này cho ta biết và hiểu quan niệm của người Trung quốc, người Phật tử hay người theo đạo khác, về đạo Ki-tô và về Giê-su trong những thế kỷ XVII và XVIII.

Lẽ ra, trong chừng mực nào đó, ta phải gắn liền sự tìm hiểu cái nhìn của người Phật tử về Giê-su với cái nhìn của họ về đạo Ki-tô. Nhưng vấn đề này tự nó cũng rất phức tạp, đòi hỏi quá nhiều tài liệu đủ mọi thể loại, khiến ta không có thì giờ bàn tới bữa nay.

Cái nhìn của Phật tử về Giê-su thay đổi tùy thời điểm lịch sử, tùy xứ, tùy tông phái Phật giáo. Nhưng ngày nay nó có xu hướng trở nên đồng nhất.

Người Trung quốc vào thế kỷ XVII và XVIII có những phê phán gay gắt nhất, tuy

nhiên rất khó xác định đâu thực sự là phần phê phán của đạo Phật, đâu là phần của đạo Không hay đạo Lão. Với người trung Quốc, Giê-su chỉ là một người, bị kết án tử hình vì làm loạn, làm xáo trộn trật tự xã hội, điều tối kỵ đối với truyền thống Á đông. Cái chết khổ nhục của Giê-su, bị hành hình trên cây Thập ác như một tên tội phạm, sự đau đớn phải trải qua, theo người Phật tử, chỉ là kết quả của ác nghiệp trong quá khứ, nghiệp càng ác, quả báo càng nặng. Thuyết nghiệp báo khiến một số Phật tử nghĩ rằng đời trước Giê-su đã giết người. Hơn nữa, không dù sức thoát khỏi cực hình, tự cứu thoát bằng phép tắc nhiệm mầu thì làm sao Giê-su có thể cứu người khác? Nếu Giê-su là Thượng đế tối cao, khi ngài đầu thai làm người, đất trời không ai cai quản, kết quả sẽ khủng khiếp vô cùng. Còn nếu ngài giáng sinh từ Thượng đế thì ngài thua xa đức Phật, vì chẳng cần ai giúp sức, thần thánh hay thế lực nào khác nữa, đức Phật tự mình đã tìm ra đạo lý giải thoát và tự lấy quyết định truyền bá đạo lý này. Dù sao đi nữa, nếu Giê-su là một vị trời, ngài chỉ có thể là một vị trời như muôn ngàn vị khác, chịu theo quy luật khắc khe của quả báo tái sinh, và do đó thấp hơn đức Phật, người đã ra ngoài vòng sinh tử luân hồi. Sự kiện Giê-su giáng sinh chẳng có gì đáng chú tâm, vì thực ra, nó chỉ là một hiện tượng mà người Phật tử xem là tương đối và tùy điều kiện sinh ra, trong dòng sinh tử luân hồi vô thường của vạn vật. Hơn nữa, sự giáng sinh này mâu thuẫn với tính chúa-ba-ngôi mà giáo lý Ki-tô gán cho ngài. Còn các phép lạ của Giê-su chẳng thấm vào đâu so với các oai phép Phật đã tung ra, bao trùm cả vũ trụ vô thủy vô chung, bao gồm hằng hà sa số thế giới tương tự như thế giới chúng ta.

Ngày nay, mâu thuẫn cũ giữa hai đạo đã giảm bớt, cái nhìn của Phật tử về Giê-su cũng nhẹ nhàng hơn. Dĩ nhiên, người Phật tử không nhìn nhận, không thể nhìn nhận Giê-su là vị Cứu thế, Nhà Tiên tri, hay là Đấng Tạo Hóa, thường hằng và tối thắng, vì những danh hiệu này đối với Phật tử hoàn toàn vô nghĩa, hay diễn dịch những ảo vọng xuất phát từ những hý luận vô ích chìm đắm trong vô minh, vô minh hiểu theo nghĩa của người Phật tử. Dĩ nhiên, người Phật tử cũng không thể đặt Giê-su cao hơn đức Phật, như một nhà truyền giáo nọ đã vụng về cố gắng chứng minh rằng đức

Phật là kẻ đi trước chuẩn bị cho Giê-su xuất hiện. Và dĩ nhiên, người Phật tử không chấp nhận có sự phục sinh của Giê-su, vì khái niệm phục sinh không có trong giáo lý đạo Phật, cũng như không có trong giáo lý Ấn độ hay đạo Jaina. Sự tái sinh sau khi chết hoàn toàn khác với sự phục sinh của đạo Ki-tô.

Ngoài những giới hạn kể trên, giới hạn suy ra từ lời dạy của đức Phật, hầu như mọi người Phật tử thời nay đều có thiện cảm với Giê-su. Họ cảm mến ngài, kính phục nữa, nhưng không phải vì vậy mà họ mảy may có ý cải đạo theo đạo Ki-tô. Họ sẵn sàng nêu lên những điểm tương đồng giữa Giê-su và đức Phật: Một đời sống trong sạch, được hưởng dẫn bởi một hệ luân lý cao cả, vô vị lợi, thấm nhuần bởi lòng nhân ái, lòng từ bi, lòng từ thiện, lòng khoan dung, cho đến hy sinh cả tính mạng của chính mình. Theo họ, cả Giê-su lẫn đức Phật đều đáng kính, cả hai đều là những vị thánh nhân hiền đức như nhau.

Thượng tọa Thích Thiện Châu có đưa thêm vài ý khá lý thú, dựa trên giáo lý Đạo Phật Phát Triển (Mahâyana), một phong trào canh tân trong đạo Phật cách đây hai mươi thế kỷ; đạo Phật Việt Nam bắt nguồn từ đó, cũng như rất nhiều hình thái khác của đạo Phật tại Viễn đông và Trung đông. Giáo lý Ba Thân Phật cho phép ta hiểu tính chất của Giê-su rõ hơn là giáo lý nguyên thủy, hiện còn thịnh hành tại Tích Lan và Đông Nam Á. Giáo lý Phát Triển quan niệm là đức Thế tôn có ba thân: Hóa thân hay Ứng thân, người thường thấy được, với thân này Phật đã sinh ra, sống một đời sống bình thường của mọi người rồi chết đi; Báo thân, ngài dùng thân này để hiện ra giữa các vị Bồ-tát, tức là những vị xả thân cứu đời để thành Phật trong một thời gian rất xa nữa; và Pháp thân, là thật thể của các pháp trong vũ trụ, thân như thật và vĩnh cửu, các hữu tình đều có thân này, nhờ thế mà trong tương lai, có thể rất xa, tất cả đều có thể thành Phật. Ta có thể áp dụng Lý Ba Thân này vào trường hợp Giê-su để giải thích tính chất vừa trời vừa người của ngài, giải thích cách nào ngài vừa ở đời cứu nhân độ thế, vừa ngự trị trên ngôi tối thượng tuyệt đối. Thân thứ nhất có thể coi là thân mà mọi người bình thường trông thấy, là thân của Giê-su lịch sử, đã sinh ra, truyền đạo, đau khổ và chết đi trên cây Thập ác. Thân thứ hai là báo thân huyền diệu

mà ba đệ tử Pierre, Jean và Jacques đã chiêm ngưỡng trên núi. Thân thứ ba là thân trời, người thường không thể nghĩ bàn, thân Cha trong quan niệm Ba Ngôi của đạo Ki-tô. Cách so sánh này, giữa hai giáo chủ, giúp cho người Phật tử hiểu biết dễ dàng hơn về Chúa cứu thế và Kinh thánh, và kính trọng ngài hơn. Thượng tọa Thích Thiện Châu đưa ra một hình ảnh tuyệt đẹp: "Ta có thể yêu mến sự tinh khiết của hoa sen, và cùng lúc thưởng thức cái đẹp của hoa huệ và hoa hồng" *.

Vị tăng sĩ Việt Nam nêu ra một điểm gần gũi nữa, giữa đạo Ki-tô và tông Tịnh độ, một tông phái ở Viễn đông khá quan trọng chỉ tôn thờ Phật A Di Đà, hay "Vô lượng quang Phật", một vị Phật trước đây đã nguyện đốn về đất "Tịnh Độ" tất cả hữu tình niệm danh hiệu ngài. Phật A Di Đà có một vị cộng tác nổi tiếng nhất trong các hàng Bồ tát, đó là Bồ tát Quan Thế Âm, đại từ đại bi, luôn luôn sẵn sàng hiện ra cứu giúp những kẻ hoạn nạn và đã từ chối không thành Phật chừng nào tất cả hữu tình chưa đạt Niết bàn. Hình ảnh Quan Thế Âm rất gần với hình ảnh Giê-su, do đó những người tu theo Đạo Phật Phát Triển, nhất là tông Tịnh độ, có thể tôn kính Giê-su như một vị Bồ tát. Đạo Phật Phát Triển cho rằng các vị Phật tương lai này, ngoài những đức tính như lòng từ bi, trí tuệ, lòng nhân ái, lòng nhẫn nại, v.v... lại còn "giỏi về phương tiện" để cứu vớt các loài hữu tình, làm những phép lạ, do đó Phật tử các tông phái Phát Triển chấp nhận dễ dàng là Giê-su thực sự có phép lạ.

Tuy nhiên, Thượng tọa Thích Thiện Châu nói thêm, Phật tử thuộc các tông phái Phát Triển [, với quan niệm tôn kính về Giê-su như đã nói ở trên,] không tránh khỏi ngỡ ngàng trước những lời cuối cùng có lẽ Giê-su đã thốt ra trên cây Thập ác: "Chúa ơi, Chúa ơi, sao lại bỏ rơi con ?".

* Lời người dịch:

Muốn biết rõ tư tưởng của Hòa thượng Thích Thiện Châu về vấn đề này, nên tìm đọc tài liệu bằng tiếng Pháp "*Approche du bouddhisme et du christianisme*" của HT Thích Thiện Châu.

Ngoài ra, vào những thời điểm đó (1980-1990) người theo đạo Ca-tô tại Pháp cũng có nhiều suy nghĩ về vấn đề này. Tìm đọc Tập san *Lumière et Vie số 193*, tháng 8-1989 (Lyon), đặc biệt với bài của Linh mục Pierre de Béthune: "*Le dialogue chrétien-bouddhiste, une expérience spirituelle*".

*

Như vậy, trong các tôn giáo lớn, đạo Phật là đạo xa cách đạo Ki-tô nhất, về mặt giáo lý cũng như phương cách hành đạo, nhưng, ngược lại, cũng là đạo biết đánh giá cao nhất giá trị tâm linh của đạo Ki-tô. Điều đó càng đúng vào thời đại này, khi mà đạo Ki-tô đã từ bỏ thái độ thù địch cố hữu của mình với mọi tín ngưỡng khác để chấp nhận rằng các đạo giáo đó không phải là âm mưu của quỷ dữ, mà là những cố gắng nhiều khi rất đáng quý nhằm xoa dịu phiền não khổ đau của con người bằng cách hiến dâng họ những hy vọng vào một ngày mai xán lạn hơn. Những quan hệ thường thường rất nồng hậu giữa Phật tử và tín đồ Ki-tô, và nhất là giữa những người đại diện của các cộng đồng đôi bên tại trung Á và đông Á, là những khích lệ lớn và có nhiều ý nghĩa. Trong các kết quả đáng chú ý nhất, phải kể cái nhìn kính trọng và có thiện cảm của đa số người Phật tử thời nay với con người Giê-su, dù là Phật tử xứ nào đi nữa, hay thuộc tông phái nào đi nữa.

đăng Hương Sen 21/05/1997

đọc lại 02/04/2010

Nguyễn Đạo Lại Như Bằng